

NGHIÊN CỨU CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ NHẪM BẢO ĐẢM QUYỀN TIẾP CẬN CÔNG LÝ CHO NHÓM NGƯỜI YẾU THỂ

LÊ HỒNG LAM

Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Nhận bài ngày 15/6/2026. Sửa chữa xong 20/7/2026. Duyệt đăng 23/7/2026.

Abstract

In the context of Vietnam's continued development of a socialist rule-of-law state, the legal framework governing legal aid plays an important role in ensuring access to justice for vulnerable groups. This article analyzes Vietnam's legal provisions on legal aid, assesses their practical implementation, and identifies shortcomings concerning eligibility for legal aid, access to legal aid services, available resources, and coordination and oversight mechanisms. Based on these findings, the article proposes recommendations for improving the legal framework and strengthening its implementation to ensure effective access to justice for vulnerable groups in Vietnam.

Keywords: access to justice, human rights, law enforcement, legal aid, legal aid legislation, vulnerable groups.

1. Đặt vấn đề

Quyền tiếp cận công lý là một trong những quyền cơ bản của con người, có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, đặc biệt đối với các nhóm người yếu thế. Trong đó, trợ giúp pháp lý (TGPL) được xem là cơ chế quan trọng nhằm tạo điều kiện để người thuộc diện được TGPL tiếp cận các dịch vụ pháp lý miễn phí, góp phần bảo đảm bình đẳng trước pháp luật và thực hiện công bằng xã hội (United Nations, 2012). Ở Việt Nam, Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho hoạt động TGPL (Quốc hội, 2017). Tuy nhiên, thực tiễn triển khai vẫn còn bộc lộ một số hạn chế liên quan đến khả năng tiếp cận dịch vụ, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức và việc bảo đảm nguồn lực thực hiện. Bài viết phân tích các quy định của pháp luật về TGPL trong mối liên hệ với việc bảo đảm quyền tiếp cận công lý cho nhóm người yếu thế; đánh giá những khoảng trống trong thực tiễn thi hành, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi. Tác giả xin trân trọng cảm ơn Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội đã tài trợ đề tài cấp cơ sở “Nghiên cứu các quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý, đảm bảo quyền tiếp cận công lý cho nhóm người yếu thế ở Việt Nam hiện nay” (Mã đề tài: HUNRE.2026.07.02) năm 2026. Kết quả nghiên cứu trong bài viết là một phần của đề tài này.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái quát pháp luật về trợ giúp pháp lý trong bảo đảm quyền tiếp cận công lý

2.1.1. Khái niệm và vai trò của trợ giúp pháp lý trong bảo đảm quyền tiếp cận công lý

Quyền tiếp cận công lý được hiểu là khả năng của mọi cá nhân có thể sử dụng các cơ chế pháp lý và tư pháp một cách bình đẳng nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp khi bị xâm phạm. Theo Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP), nội hàm của quyền này không chỉ giới hạn ở việc tiếp cận Tòa án mà còn bao gồm khả năng tiếp cận thông tin pháp luật, dịch vụ tư vấn, bào chữa, đại diện và các phương thức giải quyết tranh chấp phù hợp, nhất là đối với các nhóm người yếu thế (United Nations

Email: lhnam@hunre.edu.vn

Development Programme (UNDP), 2013). Từ đó có thể thấy, TGPL giữ vai trò là cầu nối giúp người dân hiện thực hóa quyền tiếp cận công lý và bảo đảm nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật.

Khoản 1 Điều 2 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 quy định: “*Trợ giúp pháp lý là việc cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người được TGPL trong vụ việc TGPL theo quy định của Luật này, góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong tiếp cận công lý và bình đẳng trước pháp luật*” (Quốc hội, 2017). Quy định này thể hiện rõ quan điểm của nhà làm luật khi xem TGPL là một cơ chế bảo đảm thực hiện quyền con người, thay vì chỉ là chính sách hỗ trợ xã hội. Đối với nhóm người yếu thế, TGPL giúp giảm bớt những rào cản về kinh tế, hiểu biết pháp luật, ngôn ngữ và khả năng tiếp cận thông tin, qua đó tạo điều kiện để họ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp thông qua các hoạt động tư vấn, tham gia tố tụng, đại diện ngoài tố tụng và hỗ trợ thực hiện thủ tục pháp lý. Không chỉ mang ý nghĩa hỗ trợ pháp lý, TGPL còn góp phần thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam về quyền con người và tăng cường khả năng tiếp cận công lý trên thực tế (United Nations, 2012).

2.1.2. Nội dung cơ bản của pháp luật về trợ giúp pháp lý trong bảo đảm quyền tiếp cận công lý

Pháp luật về TGPL ở Việt Nam được xây dựng trên cơ sở Hiến pháp năm 2013 (Quốc hội, 2013), Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 (Quốc hội, 2017) và các văn bản hướng dẫn thi hành, tạo thành khung pháp lý tương đối toàn diện nhằm bảo đảm quyền tiếp cận công lý của người thuộc diện được TGPL. Nội dung điều chỉnh tập trung vào việc xác định đối tượng được TGPL, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể, phạm vi và hình thức cung cấp dịch vụ, tổ chức thực hiện và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Pháp luật quy định cụ thể các nhóm đối tượng được hưởng TGPL miễn phí, bao gồm người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, trẻ em, người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và các nhóm đối tượng khác theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017. Việc xác định rõ đối tượng được TGPL thể hiện chính sách ưu tiên của Nhà nước đối với những người gặp khó khăn trong việc tiếp cận dịch vụ pháp lý, góp phần bảo đảm bình đẳng trong tiếp cận công lý. Bên cạnh đó, pháp luật quy định ba hình thức TGPL gồm tư vấn pháp luật, tham gia tố tụng và đại diện ngoài tố tụng. So với Luật Trợ giúp pháp lý năm 2006, Luật năm 2017 được sửa đổi theo hướng nâng cao chất lượng dịch vụ, lấy hiệu quả bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người được TGPL làm trọng tâm. Đồng thời, pháp luật cũng quy định điều kiện đối với trợ giúp viên pháp lý, luật sư và các chủ thể tham gia TGPL nhằm bảo đảm tính chuyên nghiệp và chất lượng của hoạt động này.

Ngoài việc quy định quyền của người được TGPL, pháp luật còn xác định trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức thực hiện TGPL và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc bảo đảm người thuộc diện được TGPL được tiếp cận dịch vụ kịp thời. Cơ chế phối hợp này góp phần phát hiện, giới thiệu người thuộc diện được TGPL và tạo điều kiện để họ thực hiện quyền của mình.

Nhìn chung, khung pháp luật hiện hành đã tạo nền tảng tương đối đầy đủ cho hoạt động TGPL ở Việt Nam. Tuy nhiên, hiệu quả bảo đảm quyền tiếp cận công lý không chỉ phụ thuộc vào tính đầy đủ của các quy định pháp luật mà còn chịu tác động bởi hiệu quả tổ chức thực hiện, sự phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền và việc bảo đảm các điều kiện về nguồn lực. Đây cũng là những nội dung cần tiếp tục được hoàn thiện nhằm nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về TGPL.

2.2. Kết quả thực hiện pháp luật về trợ giúp pháp lý trong bảo đảm quyền tiếp cận công lý

Sau khi Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 có hiệu lực, hoạt động TGPL ở Việt Nam từng bước được củng cố cả về tổ chức và chất lượng thực hiện, hướng đến nâng cao khả năng tiếp cận công lý của người thuộc diện được TGPL. Mạng lưới Trung tâm TGPL nhà nước được duy trì trên phạm vi cả nước, đồng thời sự tham gia của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư và các tổ chức tham gia TGPL tiếp tục được mở rộng, tạo thêm nguồn lực cho việc cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí. Cùng với việc hoàn thiện các văn bản hướng dẫn thi hành, công tác quản lý nhà nước về TGPL tiếp tục được tăng cường thông qua việc chuẩn hóa hoạt động nghiệp vụ, quản lý chất lượng vụ việc và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của trợ giúp viên pháp lý. Những thay đổi này tạo cơ sở để nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống TGPL trong thực tiễn. Theo số liệu của Cục Phổ biến, giáo dục pháp luật và TGPL (Bộ Tư pháp), số vụ

việc tham gia tố tụng đã kết thúc tăng từ 16.168 vụ năm 2020 lên 17.966 vụ năm 2021, 21.276 vụ năm 2022, 26.816 vụ năm 2023 và 30.538 vụ năm 2024, tương đương mức tăng khoảng 89% sau bốn năm. Riêng năm 2024, các tổ chức thực hiện TGPL trên toàn quốc đã thực hiện 56.034 vụ việc, trong đó có 30.538 vụ việc tham gia tố tụng đã kết thúc, là mức cao nhất kể từ khi Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 có hiệu lực (Bộ Tư pháp, 2024).

Việc số vụ việc tham gia tố tụng tăng liên tục cho thấy trọng tâm hoạt động TGPL đã dịch chuyển theo hướng tăng cường bảo vệ trực tiếp quyền và lợi ích hợp pháp của người được TGPL thông qua tố tụng, thay vì chủ yếu tập trung vào hoạt động tư vấn pháp luật. Sự chuyển dịch này phù hợp với mục tiêu của Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 là nâng cao chất lượng dịch vụ và bảo đảm hiệu quả thực chất của hoạt động TGPL (Quốc hội, 2017). Không chỉ quy mô hoạt động được mở rộng, chất lượng thực hiện TGPL cũng có nhiều chuyển biến tích cực. Năm 2024, có 681 trợ giúp viên pháp lý hoàn thành chỉ tiêu tham gia tố tụng, đạt gần 100% số trợ giúp viên được giao chỉ tiêu, với bình quân 38,4 vụ việc/người/năm, cao hơn mức 32,4 vụ việc/người/năm của năm 2023 (Bộ Tư pháp, 2024). Bên cạnh việc nâng cao năng lực của đội ngũ trợ giúp viên pháp lý, hoạt động kiểm tra và đánh giá chất lượng vụ việc tiếp tục được duy trì thông qua các tiêu chí nghiệp vụ thống nhất, góp phần nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ. Cơ chế phối hợp giữa các tổ chức thực hiện TGPL với cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án và chính quyền địa phương cũng từng bước được hoàn thiện, qua đó tạo điều kiện để người thuộc diện được TGPL được tiếp cận dịch vụ sớm hơn trong quá trình giải quyết vụ việc. Hoạt động truyền thông, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý vụ việc và công khai thông tin về tổ chức thực hiện TGPL cũng được chú trọng, góp phần nâng cao tính minh bạch và hiệu quả của hệ thống.

Mặc dù đạt được nhiều kết quả tích cực, việc thực hiện pháp luật về TGPL vẫn chưa đồng đều giữa các địa phương. Tại một số địa bàn, nhất là vùng sâu, vùng xa và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, việc tiếp cận dịch vụ TGPL của người dân vẫn gặp nhiều khó khăn; đồng thời chất lượng cung cấp dịch vụ và hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan liên quan còn có sự khác biệt. Điều này cho thấy vẫn còn khoảng cách giữa quy định pháp luật và thực tiễn thực hiện, đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện pháp luật nhằm bảo đảm quyền tiếp cận công lý cho các nhóm người yếu thế.

2.3. Khoảng trống trong thực hiện pháp luật về trợ giúp pháp lý nhằm bảo đảm quyền tiếp cận công lý

2.3.1. Quy định về đối tượng được trợ giúp pháp lý chưa bao quát đầy đủ nhu cầu tiếp cận công lý

Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 đã mở rộng đáng kể phạm vi người được TGPL so với trước đây, tuy nhiên cách xác định đối tượng thụ hưởng vẫn chủ yếu dựa trên phương pháp liệt kê các nhóm được hưởng chính sách. Cách tiếp cận này tạo thuận lợi cho công tác quản lý nhưng chưa theo kịp sự thay đổi của các nhóm dễ bị tổn thương trong đời sống xã hội. Trên thực tế, vẫn còn nhiều người có nhu cầu TGPL nhưng không thuộc diện được hưởng theo quy định như người lao động có thu nhập thấp nhưng không thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo, người lao động di cư, người gặp khó khăn đột xuất về tài chính hoặc những người dễ bị tổn thương trong các tranh chấp dân sự, lao động, hôn nhân và gia đình (Quốc hội, 2017).

Thực tiễn triển khai cho thấy khoảng cách giữa đối tượng được pháp luật xác định và nhu cầu TGPL phát sinh ngày càng rõ hơn trong bối cảnh các quan hệ xã hội ngày càng đa dạng. Báo cáo tổng kết công tác TGPL cũng cho thấy việc xác định đối tượng theo các tiêu chí pháp luật hiện hành vẫn chưa bao quát hết nhu cầu TGPL phát sinh trong thực tiễn, nhất là đối với những trường hợp có hoàn cảnh khó khăn nhưng không thuộc các nhóm được pháp luật quy định (Bộ Tư pháp, 2024).

Một bất cập khác là việc áp dụng tiêu chí về nơi cư trú hoặc điều kiện kinh tế - xã hội của địa bàn để xác định quyền được TGPL. Điều này dẫn đến trường hợp những cá nhân có mức độ khó khăn tương đương nhưng chỉ vì sinh sống ở địa phương khác nhau lại có khả năng tiếp cận chính sách không giống nhau. Như vậy, quyền được TGPL trong một số trường hợp vẫn chịu ảnh hưởng bởi yếu tố hành chính nhiều hơn là nhu cầu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân.

Từ góc độ bảo đảm quyền tiếp cận công lý, phạm vi người được TGPL nên được xác định trên cơ sở mức độ tổn thương và khả năng tự bảo vệ quyền lợi của cá nhân, thay vì chỉ dựa vào các tiêu chí mang tính định danh hoặc điều kiện kinh tế. Việc kết hợp giữa tiêu chí về hoàn cảnh thực tế và nhu cầu tiếp cận công lý sẽ giúp chính sách TGPL linh hoạt hơn, đồng thời bảo đảm việc hỗ trợ đúng đối tượng cần được bảo vệ. Đây cũng là xu hướng được nhiều quốc gia áp dụng nhằm mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ pháp lý cho những người dễ bị tổn thương (United Nations, 2012).

2.3.2. Khả năng tiếp cận dịch vụ trợ giúp pháp lý của nhóm người yếu thế còn nhiều hạn chế

Mặc dù hệ thống TGPL đã được triển khai trên phạm vi toàn quốc, khả năng tiếp cận dịch vụ của người thuộc diện được TGPL vẫn còn nhiều hạn chế. Một trong những nguyên nhân chủ yếu là nhiều người dân, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chưa biết hoặc chưa hiểu đầy đủ về quyền được hưởng TGPL miễn phí cũng như cách thức yêu cầu dịch vụ. Kết quả khảo sát của Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) cho thấy chỉ khoảng 4% người được khảo sát từng tiếp cận Trung tâm TGPL nhà nước để giải quyết vấn đề pháp lý, phản ánh khoảng cách đáng kể giữa quy định của pháp luật và khả năng thụ hưởng dịch vụ trong thực tiễn (United Nations Development Programme (UNDP), 2013). Ngoài yếu tố nhận thức, điều kiện địa lý, giao thông và mạng lưới cung cấp dịch vụ chưa đồng đều cũng làm giảm cơ hội tiếp cận TGPL của người dân. Nhiều địa phương có địa bàn rộng, giao thông khó khăn trong khi số lượng tổ chức và người thực hiện TGPL còn hạn chế, đặc biệt đối với người cao tuổi, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số và các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn khi còn gặp rào cản về ngôn ngữ và khả năng tiếp cận thông tin. Kết quả đánh giá Chương trình EU JULE do UNDP và Bộ Tư pháp thực hiện cũng cho thấy tại một số địa bàn khảo sát chỉ khoảng 20% người dân biết đến dịch vụ TGPL, cho thấy công tác truyền thông và phổ biến chính sách vẫn chưa tạo được sức lan tỏa rộng rãi (United Nations Development Programme, 2024). Bên cạnh đó, việc phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, chính quyền địa phương và tổ chức thực hiện TGPL ở một số nơi còn thiếu chặt chẽ, khiến việc thông báo, giới thiệu người thuộc diện được TGPL chưa được thực hiện kịp thời.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động TGPL cũng chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn khi các dịch vụ trực tuyến mới được triển khai ở một số địa phương, cơ sở dữ liệu còn phân tán và khả năng kết nối giữa các cơ quan còn hạn chế. Những tồn tại này cho thấy việc bảo đảm quyền tiếp cận công lý không chỉ phụ thuộc vào quy định pháp luật mà còn gắn với hiệu quả tổ chức thực hiện, công tác truyền thông và điều kiện bảo đảm cung cấp dịch vụ. Vì vậy, cùng với việc hoàn thiện pháp luật cần chú trọng nâng cao khả năng tiếp cận TGPL thông qua các giải pháp đồng bộ về tổ chức, truyền thông và chuyển đổi số.

2.3.3. Nguồn lực và chất lượng thực hiện trợ giúp pháp lý chưa đáp ứng yêu cầu bảo đảm quyền tiếp cận công lý

Bên cạnh khuôn khổ pháp luật, chất lượng cung cấp dịch vụ TGPL còn phụ thuộc trực tiếp vào năng lực của hệ thống tổ chức thực hiện và khả năng bảo đảm các nguồn lực cần thiết. Mặc dù đội ngũ trợ giúp viên pháp lý từng bước được kiện toàn, song vẫn còn sự chênh lệch đáng kể giữa các địa phương về số lượng, trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn. Hiện hệ thống TGPL nhà nước được tổ chức tại 63 Trung tâm TGPL nhà nước trên cả nước nhưng điều kiện về nhân lực, cơ sở vật chất và khả năng đáp ứng nhu cầu thực tế giữa các địa phương vẫn chưa đồng đều (Bộ Tư pháp, 2024).

Theo Bộ Tư pháp, năm 2024 cả nước thực hiện 56.034 vụ việc TGPL, trong đó có 30.538 vụ việc tham gia tố tụng đã kết thúc; 681 trợ giúp viên pháp lý hoàn thành chỉ tiêu tham gia tố tụng với bình quân 38,4 vụ việc/người/năm (Bộ Tư pháp, 2024). Các số liệu này phản ánh nhu cầu sử dụng dịch vụ TGPL ngày càng tăng, đồng thời cho thấy khối lượng công việc đặt lên đội ngũ trợ giúp viên pháp lý cũng lớn hơn trước. Trong khi đó, kinh phí cho hoạt động TGPL vẫn chủ yếu do ngân sách nhà nước bảo đảm, còn việc huy động luật sư, tổ chức hành nghề luật sư và các nguồn lực xã hội khác chưa đáp ứng yêu cầu mở rộng dịch vụ. Điều này ảnh hưởng đến việc mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ, tổ chức các

đợt TGPL lưu động, ứng dụng công nghệ thông tin và bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ thực hiện TGPL. Mặt khác, sự khác biệt về điều kiện phát triển kinh tế - xã hội giữa các địa phương cũng khiến chất lượng và khả năng cung cấp dịch vụ TGPL chưa thật sự đồng đều, từ đó tác động đến cơ hội tiếp cận công lý của người dân, nhất là ở những khu vực còn nhiều khó khăn.

2.3.4. Cơ chế phối hợp và giám sát thực hiện trợ giúp pháp lý còn thiếu đồng bộ

Để bảo đảm quyền tiếp cận công lý, Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 quy định trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng, chính quyền địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc thông tin, giải thích và giới thiệu người thuộc diện được TGPL đến các tổ chức thực hiện TGPL. Tuy nhiên, hiệu quả thực hiện các quy định này còn phụ thuộc lớn vào cơ chế phối hợp và tổ chức thực hiện ở từng địa phương, dẫn đến mức độ triển khai chưa thống nhất. Ở một số nơi, việc phát hiện, giới thiệu người thuộc diện được TGPL vẫn chưa được thực hiện chủ động, khiến người dân chỉ tiếp cận dịch vụ khi vụ việc đã bước sang các giai đoạn tiếp theo của quá trình giải quyết. Điều này cho thấy khoảng cách giữa quy định pháp luật và quá trình tổ chức thực hiện vẫn còn tồn tại.

Một hạn chế khác là việc trao đổi, cập nhật và khai thác thông tin giữa các cơ quan có liên quan chưa thật sự đồng bộ. Dữ liệu về người được TGPL và kết quả giải quyết vụ việc chủ yếu được quản lý riêng lẻ, chưa hình thành cơ chế chia sẻ và khai thác thống nhất phục vụ công tác quản lý, giám sát và hoạch định chính sách. Thực tiễn kiểm tra của Bộ Tư pháp cho thấy vẫn còn tình trạng một số cơ quan tiến hành tố tụng chưa thực hiện đầy đủ việc thông tin, giải thích hoặc giới thiệu người thuộc diện được TGPL theo quy định, làm ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận dịch vụ pháp lý ngay từ giai đoạn đầu của quá trình tố tụng (Bộ Tư pháp, 2024).

Bên cạnh những hạn chế trong phối hợp, phương thức giám sát hoạt động TGPL hiện nay cũng chưa phản ánh đầy đủ hiệu quả thực thi chính sách. Ngoài ra, cơ chế giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động TGPL vẫn chủ yếu dựa trên việc kiểm tra hồ sơ và quy trình nghiệp vụ, trong khi chưa có hệ thống tiêu chí phản ánh đầy đủ mức độ bảo đảm quyền tiếp cận công lý của người được TGPL. Việc đánh giá sau khi vụ việc kết thúc, nhất là thông qua ý kiến của người được TGPL hoặc kết quả bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của họ chưa được quan tâm đúng mức, dẫn đến việc đánh giá hiệu quả thực thi pháp luật chưa phản ánh đầy đủ tác động của chính sách.

Từ thực tiễn trên có thể thấy, nâng cao hiệu quả TGPL không chỉ đòi hỏi hoàn thiện quy định pháp luật mà còn cần thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành thống nhất, tăng cường chia sẻ dữ liệu và đổi mới phương thức giám sát theo hướng đánh giá kết quả bảo vệ quyền của người được TGPL. Đây là điều kiện quan trọng để hoạt động TGPL phát huy đúng vai trò trong việc bảo đảm quyền tiếp cận công lý cho các nhóm người yếu thế.

2.4. Hoàn thiện pháp luật và bảo đảm thực thi về trợ giúp pháp lý nhằm bảo đảm quyền tiếp cận công lý cho nhóm người yếu thế

2.4.1. Hoàn thiện quy định pháp luật về trợ giúp pháp lý theo hướng lấy quyền tiếp cận công lý làm trung tâm

Việc hoàn thiện pháp luật về TGPL cần được đặt trên cơ sở bảo đảm thực chất quyền tiếp cận công lý của người dân, phù hợp với yêu cầu tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật theo tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW năm 2022 và Nghị quyết số 66-NQ/TW năm 2025. Theo đó, trọng tâm không chỉ là mở rộng phạm vi điều chỉnh mà còn cần đổi mới cách xác định người được TGPL theo hướng phản ánh đúng nhu cầu được hỗ trợ pháp lý của các nhóm yếu thế. Bên cạnh các tiêu chí về điều kiện kinh tế và nhóm chính sách cần xem xét bổ sung những tiêu chí gắn với mức độ dễ bị tổn thương và nguy cơ không thể tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân khi tham gia các quan hệ pháp luật. Trên cơ sở đó, cần nghiên cứu mở rộng phạm vi người được TGPL đối với một số nhóm có hoàn cảnh đặc biệt nhưng chưa thuộc diện được hưởng theo quy định hiện hành như người lao động có thu nhập thấp nhưng không thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo, người lao động di cư, người gặp khó khăn đột xuất về tài chính hoặc những người dễ bị tổn thương trong các tranh chấp dân sự, lao động, hôn nhân và

gia đình. Quá trình mở rộng đối tượng cần được thực hiện theo lộ trình phù hợp, gắn với kết quả đánh giá tác động và khả năng bảo đảm nguồn lực để tránh dàn trải trong tổ chức thực hiện.

Bên cạnh việc hoàn thiện chính sách về đối tượng thụ hưởng cần tiếp tục cải cách thủ tục yêu cầu TGPL theo hướng tạo thuận lợi hơn cho người dân trong quá trình tiếp cận dịch vụ. Việc khai thác dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia để xác minh điều kiện được TGPL, đồng thời mở rộng các hình thức tiếp nhận yêu cầu thông qua môi trường số sẽ góp phần giảm chi phí tuân thủ, rút ngắn thời gian giải quyết và nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ.

2.4.2. Nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện và bảo đảm nguồn lực cho hoạt động trợ giúp pháp lý

Hiệu quả của hoạt động TGPL phụ thuộc không chỉ vào quy định pháp luật mà còn vào năng lực tổ chức thực hiện và việc bảo đảm nguồn lực. Vì vậy, cần tiếp tục kiện toàn hệ thống tổ chức TGPL theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp; nâng cao chất lượng đội ngũ trợ giúp viên pháp lý thông qua đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp. Đồng thời, cần khuyến khích luật sư, tổ chức hành nghề luật sư và các tổ chức xã hội tham gia TGPL nhằm đa dạng hóa nguồn lực và mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ.

Nhà nước cần ưu tiên bố trí nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ thông tin cho hoạt động TGPL, đặc biệt tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Việc phân bổ nguồn lực cần dựa trên nhu cầu thực tế của từng địa phương để bảo đảm khả năng tiếp cận dịch vụ được đồng đều hơn.

Song song với đó, cần đẩy mạnh chuyển đổi số thông qua xây dựng cơ sở dữ liệu thống nhất về TGPL, kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia và phát triển hệ thống tiếp nhận, quản lý hồ sơ, tư vấn pháp lý trực tuyến. Đồng thời, cần tăng cường cơ chế phối hợp giữa các tổ chức thực hiện TGPL với cơ quan tiến hành tố tụng và chính quyền địa phương nhằm phát hiện, giới thiệu và hỗ trợ người thuộc diện được TGPL ngay từ giai đoạn đầu của quá trình giải quyết vụ việc.

2.4.3. Hoàn thiện cơ chế giám sát, đánh giá và nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền tiếp cận công lý

Bên cạnh việc hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện cần tiếp tục đổi mới cơ chế kiểm tra, giám sát và đánh giá hoạt động TGPL theo hướng lấy hiệu quả bảo đảm quyền tiếp cận công lý làm tiêu chí trọng tâm. Việc đánh giá không chỉ dựa trên mức độ tuân thủ quy trình nghiệp vụ mà cần xem xét hiệu quả bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người được TGPL, khả năng tiếp cận dịch vụ và mức độ hài lòng của người dân. Theo đó, cần xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá thống nhất trên phạm vi toàn quốc, kết hợp giữa các chỉ số định lượng và định tính. Ngoài các chỉ tiêu về số lượng vụ việc và thời gian giải quyết cần bổ sung tiêu chí phản ánh chất lượng dịch vụ và hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan có liên quan. Đồng thời, cần hoàn thiện hệ thống thống kê và cơ sở dữ liệu về TGPL theo hướng thống nhất, đồng bộ và tăng cường kết nối, chia sẻ thông tin giữa Bộ Tư pháp với các cơ quan tiến hành tố tụng và chính quyền địa phương. Việc ứng dụng dữ liệu số trong quản lý và đánh giá sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, tăng cường tính minh bạch và tạo cơ sở khoa học cho việc hoàn thiện chính sách, pháp luật về TGPL.

Nhìn chung, việc nâng cao hiệu quả TGPL cần được triển khai đồng bộ từ hoàn thiện pháp luật, bảo đảm nguồn lực, nâng cao năng lực tổ chức thực hiện đến đổi mới cơ chế giám sát, đánh giá. Thực hiện hiệu quả các giải pháp này sẽ góp phần bảo đảm tốt hơn quyền tiếp cận công lý của các nhóm người yếu thế và xây dựng nền tư pháp công bằng, lấy người dân làm trung tâm.

3. Kết luận

Trợ giúp pháp lý là công cụ quan trọng để Nhà nước bảo đảm quyền tiếp cận công lý, thực hiện nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật và bảo vệ quyền con người, quyền công dân theo Hiến pháp năm 2013. Qua nghiên cứu cho thấy, hệ thống pháp luật về TGPL ở Việt Nam đã từng bước được hoàn thiện với trọng tâm là Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành, tạo cơ sở pháp lý cho việc cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho các nhóm người yếu thế. Thực tiễn triển khai đã

đạt nhiều kết quả tích cực, thể hiện ở việc nâng cao chất lượng vụ việc, mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ và tăng cường sự tham gia của các chủ thể thực hiện TGPL. Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế như phạm vi đối tượng được TGPL chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu thực tế, khả năng tiếp cận dịch vụ còn hạn chế, nguồn lực chưa đồng đều và cơ chế phối hợp, giám sát chưa thật sự hiệu quả. Trong thời gian tới, việc hoàn thiện pháp luật về TGPL cần theo hướng lấy quyền tiếp cận công lý làm trung tâm, gắn với việc mở rộng đối tượng thụ hưởng, đơn giản hóa thủ tục, tăng cường nguồn lực, đẩy mạnh chuyển đổi số, nâng cao hiệu quả phối hợp liên ngành và hoàn thiện cơ chế giám sát, đánh giá. Thực hiện đồng bộ các giải pháp này sẽ góp phần nâng cao hiệu quả TGPL, bảo đảm quyền tiếp cận công lý của các nhóm người yếu thế và đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

Ban Chấp hành Trung ương (2022). *Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.*

Ban Chấp hành Trung ương (2025). *Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.*

Bộ Tư pháp (2024). *Báo cáo tổng kết công tác trợ giúp pháp lý năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025.*

Bộ Tư pháp (2025). *Báo cáo kết quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý 6 tháng đầu năm 2025.*

Chính phủ (2024). *Nâng cao chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý để bảo đảm quyền tiếp cận công lý.* <https://baochinhphu.vn>.

Quốc hội (2013). *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.* Thông qua ngày 28/11/2013.

Quốc hội (2017). *Luật Trợ giúp pháp lý.* Luật số 11/2017/QH14, ngày 20/6/2017.

United Nations. (2012). *Declaration of the High-level Meeting of the General Assembly on the Rule of Law at the National and International Levels (A/RES/67/1).* <https://documents.un.org>.

United Nations Development Programme. (2013). *Access to Justice Assessment in Vietnam.* UNDP. <https://www.undp.org>.